

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2019/DS - ST
Ngày: 29 -11-2019
*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám;
2. Ông Lê Văn Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLST - DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2019/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2019/QĐST - DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Trần Phú Th, Luật sư thuộc văn phòng luật sư Phú Thư, Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Út L, sinh năm 1972 - Bà Lê Thị Th, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2018, quá trình tố tụng nguyên đơn ông M trình bày:

Ông Ngô Văn M với vợ chồng Ông Nguyễn Văn Út L, Lê Thị Th là người cùng xóm, không bà con họ hàng. Ngày 11/4/2015 al (nhằm ngày 28/5/2015 dl) ông M cho vợ chồng ông L vay 150.000.000đ, lãi thỏa thuận miệng là 3 % tháng, vay không thời hạn, mục đích vay để đầu tư mua bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật, có làm biên nhận do ông L viết, ký tên, từ khi vay đến nay ông L không trả lãi cũng không trả vốn, dù nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L trả. Nguồn tiền cho vợ chồng ông L vay từ việc ông M vay thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Phú T. Nay yêu cầu ông L, bà Th cùng liên đới trả cho ông M tiền vốn vay 150.000.000đ, tiền lãi 40.800.000đ tính từ ngày làm biên nhận nợ ngày 11/4/2015(al) (nhằm ngày 28/5/2015 dl) đến ngày khởi kiện là ngày 28/3/2018. Không yêu cầu tính lãi tiếp tục.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn Út L trình bày: Ngày 11/4/2015 al (nhằm ngày 28/5/2015dl), vợ chồng ông có vay của ông M 150.000.000đồng, lãi thỏa thuận miệng là 3%/ tháng, vay không thời hạn, mục đích vay để đầu tư mua bán phân thuốc bảo vệ thực vật và cho người khác vay lại, biên nhận nợ do ông L viết và ký tên, từ lúc vay đến nay thì bà Th có trả lãi cho ông M nhưng không nhớ cụ thể thời gian trả, số tiền trả bao nhiêu và ngưng trả lãi vào thời gian nào cũng không biết, đến nay chưa trả vốn. Những lần Tòa án mời làm việc ông L đều có cho bà Th biết nhưng do bà Th đi làm ăn xa không có mặt thường xuyên ở nhà. Hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn xin được trả tiền vốn 150.000.000 đồng, đối với tiền lãi 40.800.000đ ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì không có khả năng trả.

Từ lúc vay đến nay ông L có đóng lãi cho ông M 09 tháng với tổng số tiền là 40.500.000 đồng. Mỗi tháng đóng 4.500.000đ, ông L đóng từ ngày 11/4/2015 al đến ngày 11/01/2016 al thì ngưng không có đóng lãi. Ông yêu cầu xem xét lại phần lãi đã đóng. Ông yêu cầu Tòa án lấy lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Văn Dương, ngoài ra ông không có chứng cứ nào khác.

Bà Lê Thị Th vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H thống nhất phần trình bày của nguyên đơn Ông Ngô Văn M, không ý kiến yêu cầu gì khác.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của Ông Nguyễn Văn Út L và Bà Lê Thị Th thì được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương xác nhận là ông L, bà Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương vào năm 2008. Trước đây ông L, bà Th mua bán phân bón vật tư nông nghiệp nhưng hiện tại không còn mua bán nữa. Ông, bà vẫn sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Dương là con ruột của ông L và bà Th cho biết anh với Ông Ngô Văn M, Bà Nguyễn Thị H không bà con họ hàng chỉ quen biết do ở cùng xóm. Việc cha, mẹ anh có vay tiền ông M hay không anh không rõ. Khoảng năm 2012 đến năm 2013 mẹ anh có đưa tiền cho anh 02 lần, mỗi lần 4.500.000 đồng đưa trực tiếp cho ông M, anh không biết tiền gì. Năm 2014 (không nhớ ngày, tháng) khi bà Th đi khỏi nhà có để lại 4.500.000đồng, kêu anh đóng tiền cho ông M nhưng không nói tiền gì, ông M trực tiếp đến nhà nhận. Ngoài ra anh Dương không biết gì về việc ông L và và Thúy vay tiền của ông M. Các lần đưa tiền cho ông M chỉ có anh và ông M, không ai chứng kiến cũng không có chứng cứ nào chứng minh.

Luật sư nêu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn Ông Ngô Văn M trình bày:

Tòa án nhân dân huyện Phú T thụ lý giải quyết tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông M là đúng thẩm quyền theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Luật áp dụng giải quyết tranh chấp: Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án không xem xét áp dụng quy định về thời hiệu do các bên không yêu cầu, theo Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông Ngô Văn M có đơn khởi kiện trình bày vào ngày 11/4/2015 al ông có cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn Út L và Bà Lê Thị Th vay số tiền 150.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn vay, vay để làm vốn mua bán vật tư nông nghiệp, khi cho vay thì hai bên thỏa thuận lãi là 3%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận. Sau đó vợ chồng ông Út L không đóng lãi cho ông và hứa trả nhiều lần nhưng không thực hiện, ngày 14/3/2018 ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông L, bà Th phải trả cho ông một lần số tiền vốn vay là 150.000.000đồng cùng tiền lãi tính từ ngày 11/4/2015 al với mức lãi là 1.200.000đồng/tháng (0,8%/ tháng), tạm tính đến ngày khởi kiện là 40.800.000đồng, lãi phát sinh từ ngày khởi kiện đến nay ông M không yêu cầu bị đơn trả lãi tiếp tục. Ông M cung cấp chứng cứ là biên nhận nợ ngày 11/4/2015 (al) do ông Út L ký tên. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông L có thừa nhận vay của ông M 150.000.000đồng như ông M trình bày, nhưng có nài ra là có trả lãi và phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguyên đơn có nhận lãi, nên yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ và lãi suất ông M tính là có lợi cho bị đơn, theo Điều 466, 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị Th không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, xem như bà từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Út L và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi 40.800.000 đồng từ ngày làm biên nhận nợ 11/4/2015(al) đến ngày 28/3/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Các đương sự tranh chấp về hợp đồng, đối tượng tranh chấp và người tham gia tố tụng đều cư trú tại huyện Phú T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Hợp đồng vay được thực hiện ngày 11/4/2015(al) nhằm ngày 28/5/2015 chưa được thực hiện mà có nội dung, hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Ông Ngô Văn M yêu cầu Bà Bùi Trần Phú Th là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là phù hợp với quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Ông Ngô Văn M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị H, Luật sư Thư có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Nguyễn Văn Út L và Bà Lê Thị Th đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu áp dụng nên Tòa án không xem xét là phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi 40.800.000 đồng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp biên nhận nợ ngày 11/4/2015(al), do ông L viết và ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L thừa nhận có vay 150.000.000 đồng của ông M, Biên nhận nợ do ông viết và ký tên nên thỏa mãn khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự là tình tiết sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

Đối với việc ông L cho rằng có đóng lãi cho ông M 09 tháng với số tiền 40.500.000 đồng, từ ngày 11/4/2015 al đến ngày 11/01/2016 al, khi đóng lãi không làm giấy tờ, chỉ có người làm chứng là anh Nguyễn Văn Dương. Lời khai của anh Dương không chứng minh được ông L có đóng lãi cho ông M như ông L trình bày và điều này không được ông M thừa nhận.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, Ông Nguyễn Văn Út L thừa nhận chữ ký tên và chữ ghi họ tên trong biên nhận ngày 11/4/2015(al) có nợ ông M số tiền

150.000.000 đồng nhưng cố tình không trả là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M. Ông L vay tiền ông M mục đích để bổ sung vốn mua bán vật tư nông nghiệp và cho người khác vay lại nhằm phục vụ kinh tế gia đình, những lần Tòa án mời làm việc ông L đều có cho bà Th biết nhưng bà Th không có lời trình bày, ngoài ra ông L còn cho rằng bà Th có đưa tiền cho Dương đóng lãi cho ông M, điều này chứng minh bà Th biết việc vay của ông M. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu ông Út L và bà Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 150.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 40.800.000 đồng, tiền lãi của 34 tháng từ ngày làm biên nhận nợ ngày 11/4/2015 al (nhằm ngày 28/5/2015 dl) đến ngày 28/3/2018 với mức lãi suất là 0,8% tháng là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 75, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL - UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Văn M.

Buộc Ông Nguyễn Văn Út L, Bà Lê Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả Ông Ngô Văn M số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 40.800.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 190.800.000 đồng

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Th, Ông Nguyễn Văn Út L phải chịu 9.540.000 đồng (Chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

Ông Ngô Văn M, Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền vốn và thời gian chậm thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo